

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2019/DS-PT

Ngày: 25/6/2019

Vv: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Nhung
Ông Lưu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tào Minh
Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 613/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án số 174/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2541/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lại Khánh Cao S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp N xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 25/7/2018 tại Văn phòng Công Chứng A)

2. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Cao Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Trần Vinh H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Đường số 30, phường M, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 19/10/2018 tại Văn phòng Công Chứng A)

Ông Đặng Chí H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đường Q, Phường N, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 27/02/2019 tại Văn phòng Công chứng A)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Thanh V, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền; bị đơn và người đại diện theo ủy quyền - có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền ông Lại Khánh Cao S trình bày:

Do sống cùng xóm quen biết với nhau nên bà D có tham gia chơi hụi do bà Cao Thị L chủ làm chủ hụi từ năm 2013 đến 2015. Trong thời gian này, bà L có vay tiền của bà D nhiều lần khi thiếu tiền trả cho các hụi viên và có trả lãi cho bà D. Tính đến ngày 12/10/2014 âm lịch, tổng cộng số tiền bà L còn nợ bà D là 200.000.000 đồng, bà L có ghi nợ và ký vào cuốn sổ nợ của bà D. Bà L hứa trả cho bà D tiền lãi 5.000.000 đồng/tháng, trả tiền mặt tại nơi bà D bán thịt heo ở chợ B xã T vào ngày 12 hàng tháng và bà L trả được khoảng 9 tháng tiền lãi thì không trả nữa. Tiếp đó, không có tiền trả nợ và thanh toán tiền hụi nên đến ngày 25/6/2015, bà L tiếp tục vay thêm bà D 100.000.000 đồng và cam kết trả lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng, do chỗ quen biết nên bà D cho bà L vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà D đã cho bà L vay 300.000.000 đồng, sau đó bà L tuyên bố bế nợ không trả tiền lãi và gốc cho bà D cho đến nay.

Về tiền chơi hụi, bà L còn nợ bà D 2 đây tổng cộng 180.000.000 đồng, cộng với tiền vay 300.000.000 đồng thành 480.000.000 đồng. Bà L không có tiền trả số nợ này, nên đã năn nỉ bà D nhận miếng đất của bà L có diện tích 200m² để cân trừ nợ với giá lô đất 450.000.000 đồng, theo bà L nói miếng đất này đứng tên ông Cao Thanh V anh bà L và do bà L, ông V hùn tiền mua chung, ông V cũng đồng ý bán đất cân trừ nợ. Bà D tin tưởng đồng ý, ngày 26/10/2015 bà D cùng chồng là ông Huỳnh Văn H đến nhà ông Cao Thanh V, ông V đưa cho bà D một bản pho tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Cao Thanh V do UBND huyện B cấp ngày 17/6/2010. Ông V viết giấy sang nhượng đất đề ngày 26/10/2015 có nội dung: Ông V đồng ý bán lại cho bà D một phần đất diện tích 200m² trong phần đất ông V được cấp với giá 450.000.000 đồng. Sau đó bà D yêu cầu ông V công chứng thực hiện ký hợp đồng sang tên phần đất bán, thì ông V không đồng ý và nói khi nào bà L đưa thêm cho ông V 100.000.000 đồng nữa mới sang tên. Tuy nhiên, không biết vì sao ông V thay đổi không đồng ý giao đất cho bà D và vẫn quản lý sử dụng đất. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Cao Thị L phải trả lại bà số tiền đã vay là 300.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả tiền lãi từ khi vay cho đến nay.

Bị đơn bà Cao Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 6 tháng 12 năm 2017: Bà L xác nhận bà và bà Trần Thị Mỹ D có quan hệ thân thiết tin tưởng nhau. Theo trí nhớ bà L hai bên có chơi hội nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Còn về tiền vay bà D cả hai không làm giấy tờ vay mượn rõ ràng nên cả hai không nhớ từng chi tiết. Theo trí nhớ bà L thì bà chỉ còn thiếu bà D 30.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này ngoài ra bà không ý kiến gì hết. Số tiền này là cá nhân bà mượn không liên quan đến chồng bà.

Tại Công xã H, huyện B bà Cao Thị L có trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2016 như sau: Bà là chủ hội, bà D chơi hội từ năm 2013 đến khoảng tháng 10 năm 2015 thì hai bên đã thanh toán hết cho nhau tiền mượn và tiền hội nên hai bên đã xé bỏ hết giấy tờ tiền mượn và tiền hội...Bà xác nhận khoảng tháng 8/2015 do khó khăn nên bà có hỏi bà D đề không trả phần tiền lãi nữa, do bà gặp khó khăn cho số tiền mượn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)...số tiền hội thì bà đã thanh toán đầy đủ cho bà D...bà đã thanh toán tiền vay của bà D nhiều lần từ giữa tháng 8/2015 đến tháng 10/2015 thì bà đã thanh toán xong, bà D tự xé sổ hội và giấy vay tiền của bà tại nhà của bà. Việc bà D và anh trai bà ông V có thỏa thuận việc mua bán đất bà không biết, bà và bà D cũng không có việc thực hiện việc thỏa thuận giao phần đất đất của anh bà để trừ vào khoản tiền bà thiếu bà D. Tại Biên bản giải quyết ngày 25 tháng 11 năm 2016, bà L tiếp tục trình bày: Bà đã thanh toán tiền mượn và tiền hội cho bà D, việc bà D mua bán đất với ông V bà không biết, bà không yêu cầu ông V làm giấy bán đất cho bà D để gán trừ nợ cho bà, bà đã trả tiền cho bà D nhiều lần nhưng bây giờ bà không nhớ đã trả một lần bao nhiêu tiền và cụ thể vào thời gian nào. Nay bà không chấp nhận số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, chỉ chấp nhận trả bà Dung số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng, nếu không bà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật, bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại các cấp Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh V trình bày: Ông thừa nhận có quen biết với bà Trần Thị Mỹ D, có xác nhận trước đây có viết Giấy bán đất ngày 26 tháng 10 năm 2015 cho bà D như bà D trình bày là đúng sự thật, tuy nhiên bà D không có tiền trả nên hai bên đã hủy bỏ việc mua bán. Mục đích ông bán đất định cho em là bà Cao Thị L mượn tiền, còn việc bà L lấy tiền làm gì thì ông không biết, ông có nghe nói việc bà L mượn và nợ bà D nhưng cụ thể như thế nào ông không biết và không liên quan. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Ông Huỳnh Văn H trình bày tại Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm: Ông là chồng bà Trần Thị Mỹ D, ông có cùng bà D đến nhà ông Cao Thanh V anh ruột bà L. Vì bà D có nói với ông là bà L có hùn tiền mua đất với ông V nhưng ông V đứng tên, do bà L còn nợ bà Dung 300.000.000 đồng tiền mượn, 180.000.000 đồng tiền hội không có tiền trả cho bà D nên bà L năn nỉ xin bán lại một nửa miếng đất mua chung với ông V cho bà D. Bà L nói ông V cũng đồng ý bán phần này cho bà D giá 450.000.000 đồng để cân trừ nợ. Ông V đã viết giấy bán

đất và đưa cho bà D một bản pho tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Cao Thanh V do UBND huyện B cấp ngày 17/6/2010, thỏa thuận này do chính tay ông V viết giấy sang nhượng đất ngày 26/10/2015 tại nhà ông V. Sau đó không biết vì sao ông V thay đổi không đồng ý giao đất cho bà D và hiện ông V vẫn quản lý sử dụng. Tiền bà L nợ bà D là tiền của bà D không liên quan đến ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lại Khánh Cao S trình bày: Căn cứ vào Giấy biên nhận nợ ngày 12/10/2014 âm lịch, bà D đã cho bà L vay số tiền là 200.000.000 đồng; Giấy nhận nợ ngày 25/6/2015 bà D đã cho bà L vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng, giấy vay tiền có chữ ký của bà L. Tại các biên bản lấy lời khai của bà L tại Công an xã H, cũng thể hiện việc bà L thừa nhận còn nợ bà D số tiền 300.000.000 đồng. Bà L không chứng minh được việc đã trả số tiền nợ này cho bà D, không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào về việc trả tiền. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dung kể cả yêu cầu không tính lãi và yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày bổ sung: Bà thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu của ông S, bà khẳng định việc bà L, ông V có thỏa thuận thống nhất giao trả phần đất 200m² để cầm trừ số tiền nợ là đúng sự thật, ông V đã làm giấy bán phần đất trên cho bà, do đó giữa bà và bà L có việc xé bỏ các sổ hui và giấy tờ vay nợ của bà tại nhà bà L theo yêu cầu của bà L. Tuy nhiên do hôm đó bà không mang cuốn sổ nợ vay số tiền này đi theo nên bà L chưa xé bỏ được là đúng sự thật. Bà L và ông V lật lọng không giao đất cho bà và không trả nợ cho đến nay.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Trần Vinh H trình bày: Bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, giữa bà L và bà D đã thanh toán cho nhau hết các khoảng tiền chơi hui và tiền vay và hai bên đã xé bỏ hết các giấy tờ liên quan đến việc nợ nần giữa hai bên. Tuy nhiên ông H xác nhận theo trí nhớ của bà L thì hiện nay bà L chỉ còn nợ bà D số tiền nợ là 30.000.000 đồng, chỉ chấp nhận trả số tiền này.

Tại Bản án sơ thẩm số: 174/2018/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Các Điều 70, 71, 72, 91, 147, 227, 228 BLTTDS. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005. Các Điều 468, 688, 562, 568, 569 của BLDS 2015. Căn cứ Điều 48 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu bà Cao Thị L phải trả lại số tiền là 300.000.000 đồng. Buộc bà Cao Thị L phải trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà Trần Thị Mỹ D.

2. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Hủy các Giấy Biên nhận gồm giấy Biên nhận ngày 12/10/2014 Âm lịch, Biên nhận ngày 25.6.2015 và các văn bản trên có liên quan đến khoản nợ trên mà hai bên ký xác lập.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Cao Thị L phải nộp 15.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D không phải nộp án phí được nhận lại số tiền là 8.850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030573 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hoãn chấp hành và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/11/2018, bị đơn bà Cao Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 174/2018/DS-ST ngày 29/10/2018, của Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh. Lý do: Việc xét xử là không khách quan, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Ngày 15 tháng 1 năm 2019, ông Nguyễn Trần Vinh H – đại diện theo ủy quyền cho bà Cao Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhập hai vụ án vụ tại bản án sơ thẩm số 174/2018/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018; vụ thứ hai theo Bản án sơ thẩm số 177/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017, cũng do Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa ra xét xử. Lý do hai vụ án này đều có cùng nguyên đơn và bị đơn, hai vụ án bị đơn bà Cao Thị L đều kháng cáo. Đề nghị nhập 02 vụ án mà bà Cao Thị L đã kháng cáo lại làm một để giải quyết chung trong một vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như để thuận lợi trong việc thi hành án sau này.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Mỹ D và người đại diện ông Lại Khánh Cao S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì tại các phiên tòa phúc thẩm trước, bà Cao Thị L khẳng định không thừa nhận chữ viết tại giấy vay nợ 200.000.000đ ngày 12/10/2014 là của mình, đã xé giấy nợ nhưng nay có kết quả giám định thì nói chữ ký không rõ là không có căn cứ. Giấy nợ 100.000.000đ bà L yêu cầu bà D viết ký tên sau. Tại Công an xã H bà L thừa nhận còn nợ bà D 300.000.000 đồng và đã trả nhưng không đưa ra được thời điểm trả, trả khi nào mà theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự vay tiền phải trả tiền.

Bị đơn – bà Cao Thị L và người đại diện có ông Đặng Chí H không rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận

trả số tiền 30.000.000đ theo giấy mượn nợ ngày 6/12/2017. Xác nhận không cung cấp thêm chứng cứ mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm đã xét xử. Chỉ cung cấp Bản cam kết của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D gửi Tòa án huyện Bình Chánh ngày 10/7/2018: Xác nhận bà L nợ bà D số tiền 30.000.000đ. Đến ngày 06/12/2017 bà L có làm giấy thừa nhận nợ bà D số tiền 30.000.000đ....Bà L chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà D. Không có chứng cứ bà L còn thiếu bà D 300.000.000đ. Hoàn toàn không thừa nhận còn nợ bà D 300.000.000đ tại 02 giấy nợ ngày 12/10/2014 Âm lịch, giấy ngày 25/6/2015.

Qua đối chất tại phiên Tòa phúc thẩm bà L thừa nhận có nợ bà D 300.000.000đ nhưng đã trả nên bà D đã xé giấy nợ tại nhà bà L. 02 hai giấy biên nhận nợ thể hiện tại cuốn sổ màu xanh bà D làm chứng cứ bà L còn nợ 300.000.000đ thì giấy nợ ghi số tiền mượn 200.000.000đ vào ngày 12/10/2014 Âm lịch là chữ viết, chữ ký bà L; giấy 100.000.000đ ngày 25/6/2015 là chữ bà D và D chưa xé giấy nợ vì tại nhà bà L đã không đem sổ. Bà L không thừa nhận chữ viết trong 02 giấy biên nhận nợ là của mình.

Nguyên đơn bà Dung đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định chữ viết 02 giấy nhận nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ kết quả Giám định của phân viện Khoa học hình sự, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, kết luận chỉ có cơ sở chấp nhận bà Cao Thị L còn nợ bà Trần Thị Mỹ D 200.000.000đ và đã ký nhận vào ngày 12.10.2014 âm lịch chưa trả nay phải có nghĩa vụ trả cho bà D. Còn giấy mượn 100.000.00 đồng vào ngày 25/6/2015, bà D thừa nhận tự viết, bị đơn – bà L không thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn – bà Cao Thị L là còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về yêu cầu nhập 02 vụ án dân sự thụ lý số 611/2017/TLST-DT ngày 25/10/2017, đã được xét xử vào ngày 29/10/2018 mà bị đơn đang kháng cáo ngày hôm nay với vụ án thụ lý số 313/2018/TLST-DS ngày 6/6/2018, xét xử ngày 31/10/2017 để xét xử thành một vụ án. Việc nhập tách vụ án dân sự, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự và cũng vượt quá phạm vi kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị L không đồng ý bản án sơ thẩm buộc phải trả số tiền đã vay 300.000.000 đồng cho bà Trần Thị Mỹ D, chỉ thừa nhận còn nợ 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại các phiên tòa phúc thẩm lời trình bày của bà L luôn mâu thuẫn với chính mình. Bà L thừa nhận có vay 300.000.000 đồng của bà D, nhưng cho rằng đã trả cho bà D nên bà D đã xé giấy nợ nay lại thừa nhận chỉ còn thiếu 30.000.000 đồng và chỉ chứng minh việc trả tiền bằng lời nói là « chỉ nhớ có trả ». Không thừa nhận chữ ký và chữ viết thể hiện số tiền mượn 200.000.000đ vào ngày 12/10/2014 Âm lịch; 100.000.000đ ngày 25/6/2015 là của mình, mà cho rằng hiện tại chỉ còn nợ 30.000.000 đồng và đã viết Giấy nhận xác nhận nợ ngày 6/12/2017. Ngoài lời trình bày bà L không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh là đã trả hết số tiền vay bà Dung.

[2.2] Xét chứng cứ kê trên của bà L không được bên phía nguyên đơn bà D chấp nhận, kể cả Giấy nhận nợ ngày 6/12/2017, có thể hiện nội dung bà L thừa nhận hiện tại còn nợ lại bà D 30.000.000 đồng do chính bà L viết, đây không phải là giấy trả nợ số tiền 300.000.000 đồng mà bà D khởi kiện trong vụ án này. Trong khi căn cứ vào chứng cứ là kết luận giám định số: 2088/C09B ngày 30 tháng 5 năm 2019, của Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an, thì chữ viết có nội dung « ngày 12.10.2014 *ÂL số tiền mượn T.cộng Hai trăm triệu đồng* » và chữ ký dưới phần nội dung này đã được so sánh giám định với 05 mẫu có chữ ký, chữ viết của bà Cao Thị L đã kết luận chữ viết có nội dung « ngày 12.10.2014 *ÂL số tiền mượn T.cộng Hai trăm triệu đồng* » do cùng một người viết ra. Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh và chứng cứ tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đối chiếu với chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp có cơ sở khẳng định bà Cao Thị L có vay mượn bà Trần Thị Mỹ D 200.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận nợ « ngày 12.10.2014 *ÂL số tiền mượn T.cộng Hai trăm triệu đồng* », nay chưa trả nên phải có nghĩa vụ trả cho bà D. Đối với số tiền 100.00.000đ, do bà D tự viết vào ngày 25/6/2015, bà L không thừa nhận, bà D không chứng minh được bà L mượn. Tại biên bản làm việc của Công an xã H cũng chỉ thể hiện bà L thừa nhận có vay 300.000.000đ nhưng đã trả rồi, nên không có cơ sở chấp nhận chứng cứ này.

[2.3] Xét việc vay mượn tiền giữa các bên đã xảy ra từ năm 2014 và không xác lập thời hạn trả. Nay nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà L phải trả

300.000.000 đồng, nhưng chỉ có cơ sở chấp nhận bà L còn nợ bà D 200.000.000 đồng chưa trả như đã phân tích kể trên. Do vậy chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn; một phần ý kiến của người đại diện cho các đương sự. Chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án sơ thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, kể cả việc chuyển nhượng đất giữa ông V và bà D để cấn trừ nợ cho bà L, cấp sơ thẩm đã làm rõ không có việc cấn trừ này xảy ra và các bên không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét à phù hợp.

[3] Về án phí :

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn – bà Cao Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ đồng, tương ứng với 5% số tiền có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn là 200.000.000 đồng. Nguyên đơn vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5000.000 đồng tương ứng với số tiền 100.000.000 đồng không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Vì sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Cao Thị L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử : Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 174/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Toà án Nhân dân huyện Bình chánh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D.

Buộc bị đơn – bà Cao Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D số tiền nợ vay là : 200.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Cao Thị L chưa thanh toán đủ số tiền nợ gốc nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Hủy giấy Biên nhận ngày 12/10/2014 Âm lịch, thể hiện số tiền nợ 200.000.000 đồng có chữ viết của bà Cao Thị L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Cao Thị L phải chịu 10.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D phải chịu 5000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 8.850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030573 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh và được hoàn trả lại tiền chênh lệch.

3. Án phí dân sự phúc thẩm : Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lũy được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006349 ngày 13/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Bình Chánh ;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Hòa

